

Số: 2855/KH-UBND

Mường Lay, ngày 20 tháng 11 năm 2023

## KẾ HOẠCH

### Triển khai phát triển hạ tầng số trên địa bàn thị xã Mường Lay đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

Thực hiện Kế hoạch số 4734/KH-UBND ngày 10/10/2023 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Điện Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. UBND thị xã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

#### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

##### 1. Mục đích

- Phát triển hạ tầng số (bao gồm hạ tầng viễn thông băng rộng, hạ tầng trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây, hạ tầng công nghệ số, nền tảng số có tính chất hạ tầng) băng rộng, siêu rộng, phổ cập, xanh, an toàn, bền vững, mở, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thị xã.

- Hạ tầng số được phát triển nhanh, phát triển trước phục vụ phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của thị xã.

- Thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 01/10/2021 của Tỉnh ủy Điện Biên về chuyển đổi số tỉnh Điện Biên đến năm 2025, định hướng 2030; Chương trình hành động số 27-CTr/TU ngày 02/8/2021 của Thị ủy Mường Lay về thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 01/10/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Điện Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về hạ tầng số; tăng cường chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng số, hạ tầng viễn thông của thị xã. Đảm bảo an toàn an ninh mạng lưới, giảm thiểu các sự cố mất thông tin liên lạc, đảm bảo môi trường, cảnh quan của thị xã.

- Là căn cứ để các cơ quan, đơn vị, địa phương và các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phối hợp trong công tác chỉ đạo, điều hành, thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp hoàn thành các mục tiêu đề ra.

##### 2. Yêu cầu

- Hạ tầng số được lập kế hoạch, triển khai song song, đồng bộ với hạ tầng giao thông, hạ tầng điện, hạ tầng chiếu sáng, hạ tầng công trình ngầm, các hạ tầng kỹ thuật khác.

- Các doanh nghiệp phối hợp phát triển hạ tầng số theo nguyên tắc tối đa dùng chung, chia sẻ.

- Hạ tầng số phát triển theo hướng mở, ảo hóa, tối ưu cho việc dùng chung để có thể được cung cấp như một dịch vụ, trong đó giải pháp đột phá là hạ tầng điện toán đám mây và các nền tảng số.

- Phát triển hạ tầng số đảm bảo tính kế thừa, đồng bộ, có bước đi và lộ trình cụ thể.

- Hạ tầng số phát triển an toàn, tin cậy, góp phần tạo lập niềm tin số. Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng các giải pháp phát triển hạ tầng băng rộng, hạ tầng kỹ thuật viễn thông trên địa bàn thị xã.

- Tuân thủ theo các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành liên quan trong việc triển khai xây dựng, phát triển hạ tầng số.

## **II. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2025**

### **1. Mạng viễn thông băng rộng**

- Số thuê bao băng rộng di động/100 dân: 100 thuê bao/100 dân.  
- Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh/tổng thuê bao điện thoại di động: Trên 80%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh: 75%.

- 90% các hộ gia đình có ít nhất 1 điện thoại hoặc thiết bị thông minh.

- Tốc độ băng rộng di động (tốc độ tải xuống theo i-Speed): Tối thiểu 50Mbps.

- Tỷ lệ cấp tờ, bản được phủ sóng di động băng rộng: 100%.

- Triển khai dịch vụ mạng di động 5G trên địa bàn thị xã.

- Tỷ lệ dùng chung vị trí trạm BTS: 60%.

- Tỷ lệ dùng chung cột treo cáp: 20%.

- Tỷ lệ dùng chung cống bể cáp: 10%.

- Tỷ lệ cơ quan Đảng, Nhà nước từ cấp thị tới cấp xã, phường kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước: 100%.

- Số thuê bao băng rộng cố định/100 dân: 12 thuê bao/100 dân.

- Tỷ lệ hộ gia đình có truy nhập Internet băng rộng cáp quang: Trên 60%.

- Tốc độ băng rộng cố định (tốc độ tải xuống theo i-Speed): Tối thiểu 100Mbps.

- Tỷ lệ tờ, bản được phủ băng rộng cố định (cáp quang FTTH): trên 90%.

- Tỷ lệ ngầm hóa hạ tầng mạng cáp ngoại vi trên toàn thị xã (tập trung chủ yếu tại nơi yêu cầu cao về mỹ quan): trên 30%.

- 100% khu vực công sở, công cộng (sân vận động, bến cảng, khu tập trung đông dân...) được phủ sóng wifi internet miễn phí.

### **2. Hạ tầng trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây**

- Tỷ lệ hệ thống thông tin dùng chung của thị xã có sử dụng dịch vụ điện toán đám mây: 100%.

- Tỷ lệ người dân có tài khoản sử dụng dịch vụ điện toán đám mây: 30%

- Hạ tầng điện toán đám mây, hạ tầng IoT được tích hợp, ứng dụng rộng khắp trong các lĩnh vực của nền kinh tế số, xã hội số (*y tế, giáo dục, nông nghiệp, giao thông, xây dựng, ...*).

### **3. Hạ tầng công nghệ số**

- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác: Trên 60%.

- Triển khai công nghệ AI, blockchain, IoT hỗ trợ hiệu quả cho chương trình chuyển đổi số của thị xã, phát triển kinh tế số, đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hệ thống quản trị số địa phương và năng lực quản trị.

### **4. Nền tảng số có tính chất hạ tầng**

- Tỷ lệ cơ quan, tổ chức Nhà nước sử dụng nền tảng số có tính chất hạ tầng: 100%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng nền tảng số có tính chất hạ tầng: 100%.

## **III. ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**

### **1. Mạng viễn thông băng rộng**

- Số thuê bao băng rộng di động/100 dân: Trên 100 thuê bao/100 dân.

- Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh/tổng thuê bao điện thoại di động: 100%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh trên: 90%.

- Tốc độ băng rộng di động (tốc độ tải xuống theo i-Speed): Tối thiểu 100Mbps.

- Tỷ lệ hộ gia đình được phủ sóng di động băng rộng: 100%.

- Phủ cập dịch vụ mạng di động 5G khu vực đô thị trên địa bàn thị xã: 100%.

- Tỷ lệ dùng chung vị trí trạm BTS: Trên 65%.

- Tỷ lệ dùng chung cột treo cáp: Trên 30%.

- Tỷ lệ dùng chung cống bể cáp: Trên 20%.

- Tỷ lệ cơ quan Đảng, Nhà nước từ cấp thị tới cấp xã, phường kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước: Duy trì 100%.

- Số thuê bao băng rộng cố định/100 dân: Trên 20 thuê bao/100 dân.

- Tỷ lệ hộ gia đình có truy nhập Internet băng rộng cáp quang: 100%.

- Tốc độ băng rộng cố định (tốc độ tải xuống theo i-Speed): Tối thiểu 150Mbps.

- Tỷ lệ tổ, bản được phủ băng rộng cố định (cáp quang FTTH): 100%.

- Tỷ lệ ngầm hóa hạ tầng mạng cáp ngoại vi (tập trung chủ yếu tại nơi yêu cầu cao về mỹ quan): Trên 40%.

- Duy trì 100% khu vực công sở, công cộng (sân vận động, bến cảng, khu tập trung đông dân cư...) được phủ sóng wifi internet miễn phí.

### **2. Hạ tầng trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây**

- Tỷ lệ hệ thống thông tin dùng chung của thị xã có sử dụng dịch vụ điện toán đám mây: Duy trì 100%.

- Trung bình mỗi người dân có 01 tài khoản sử dụng dịch vụ điện toán đám mây.

### 3. Hạ tầng công nghệ số

- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác: Trên 95%.

- Tiếp tục triển khai công nghệ AI, blockchain, IoT hỗ trợ hiệu quả cho chương trình chuyển đổi số của thị xã, phát triển kinh tế số, đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hệ thống quản trị số địa phương và năng lực quản trị.

### 4. Nền tảng số có tính chất hạ tầng

- Tỷ lệ cơ quan, tổ chức Nhà nước sử dụng nền tảng số có tính chất hạ tầng: 100%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng nền tảng số có tính chất hạ tầng: 100%.

## IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

### 1. Nhiệm vụ

#### 1.1. Phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng, phổ cập, bền vững, an toàn

- Phát triển hạ tầng băng rộng cố định tốc độ cao.
- Phát triển thuê bao băng rộng cố định (FTTH) tới hộ gia đình; đảm bảo cung cấp dịch vụ truy nhập Internet băng thông rộng tốc độ cao được phổ cập tới các cơ quan, tổ chức, bệnh viện, trường học, khu dân cư,...
- Phát triển hạ tầng băng rộng di động chất lượng cao (4G/5G) trên phạm vi toàn thị xã; thực hiện lộ trình dừng công nghệ di động cũ (2G/3G); thực hiện chương trình thúc đẩy sử dụng điện thoại thông minh cho người dân.
- Phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT) đáp ứng được yêu cầu của các lĩnh vực giao thông, năng lượng, điện, nước, nội thị.
- Chuyển đổi mạng lưới, hệ thống thông tin sang sử dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6).
- Phối hợp, chia sẻ, sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động để tăng hiệu quả đầu tư, phát triển, xây dựng hạ tầng của doanh nghiệp bảo đảm mỹ quan và an toàn cho người dân; triển khai các phương pháp chia sẻ hạ tầng tiên tiến (thụ động/tích cực tích hợp với các hạ tầng liên ngành có tính thiết yếu như điện, nước).
- Phát triển Mạng truyền số liệu chuyên dùng trở thành hạ tầng truyền dẫn căn bản thống nhất, ổn định, an toàn, thông suốt, kết nối từ cấp tỉnh đến cấp xã, phòng kết nối các hệ thống thông tin, nền tảng, ứng dụng phục vụ Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của thị xã.
- Ngầm hóa mạng cáp ngoại vi trên địa bàn; cải tạo, chỉnh trang mạng cáp ngoại vi viễn thông; tăng cường chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng viễn thông đảm bảo chất lượng dịch vụ, tiết kiệm nguồn lực đầu tư, an toàn mạng lưới và mỹ quan đô thị.
- Đảm bảo an toàn an ninh cho mạng lưới viễn thông, internet. Xử lý căn bản các loại “rác” viễn thông như SIM “rác”, tin nhắn “rác”, cuộc gọi “rác”, thư “rác” làm cơ sở cho xác thực điện tử, thanh toán điện tử.

- Triển khai Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030 trên địa bàn thị xã, trong đó thực hiện hỗ trợ các hộ gia đình nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách xã hội và các đối tượng chính sách có ít nhất 1 thiết bị thông minh (thông qua Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích), hỗ trợ sử dụng thuê bao băng rộng (cố định/di động).

- Phổ biến, hướng dẫn, tuyên truyền về chuyển đổi sang sử dụng điện thoại thông minh, sử dụng các nền tảng số.

### **1.2. Phát triển hạ tầng trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây**

- Tích hợp, sử dụng hạ tầng điện toán đám mây vào các hệ thống thông tin phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của thị xã.

- Khuyến khích, thúc đẩy các cơ quan Nhà nước, doanh nghiệp và người dân ưu tiên dùng dịch vụ điện toán đám mây do các doanh nghiệp trong nước cung cấp...

### **1.3. Phát triển hạ tầng công nghệ số**

- Phát triển hạ tầng công nghệ số, ưu tiên công nghệ AI, blockchain, IoT, đáp ứng yêu cầu ứng dụng Chính phủ số, phát triển đô thị thông minh, kinh tế số, xã hội số.

- Ứng dụng cảm biến, mạng đáng tin cậy, phần mềm và phần cứng cũng như các công nghệ khác phục vụ thu thập, lưu trữ, xử lý dữ liệu, để dữ liệu trở thành yếu tố đầu vào sản xuất mới.

- Tích hợp AI, blockchain, IoT, Bigdata, Cloud Computing tạo ra một hạ tầng công nghệ số an toàn, có thể kiểm soát và tương thích.

- Tăng cường quản lý quyền sở hữu trí tuệ, bằng sáng chế, nhãn hiệu và bản quyền công nghệ số có giá trị cao. Khuyến khích các doanh nghiệp hợp tác thiết lập một cơ chế bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ thông qua nhóm bằng sáng chế công nghệ số, liên minh sở hữu trí tuệ công nghệ số và các mô hình khác.

- Công nghệ số AI, blockchain, IoT trở thành nền tảng để xây dựng sức mạnh sản xuất và sức mạnh trên không gian mạng, phát triển kinh tế số và hệ thống quản trị số quốc gia và năng lực quản trị số...

### **1.4. Phát triển nền tảng số có tính chất hạ tầng**

Nền tảng số có tính chất hạ tầng hình thành hạ tầng cho kinh tế số, xã hội số, chính phủ số. Phát triển, làm chủ công nghệ, sử dụng thống nhất trên toàn quốc, phục vụ hoạt động quản lý Nhà nước hoặc cung cấp dịch vụ công phục vụ xã hội, bao gồm: Phát triển hộ gia đình có địa chỉ số tích hợp vào nền tảng địa chỉ số quốc gia, nền tảng bản đồ số quốc gia; nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP).

## **2. Giải pháp thực hiện**

### **2.1. Cơ chế, chính sách**

- Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ nhằm cụ thể hóa Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 01/10/2021 của Tỉnh ủy Điện Biên về chuyển đổi số tỉnh Điện Biên

đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Đề án Chuyển đổi số tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và Đề án Chuyển đổi số thị xã Mường Lay giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2023 trên địa bàn thị xã.

- Đề xuất, tham mưu hoàn thiện các chính sách, tạo điều kiện để các doanh nghiệp phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng, Internet, ... trên địa bàn thị xã.

## **2.2. Ưu tiên phát triển hạ tầng số như hạ tầng giao thông, năng lượng**

- Đề xuất, tham mưu hoàn thiện các chính sách, thúc đẩy, bảo đảm trong quy hoạch thị xã phải sẵn sàng cho phát triển hạ tầng số.

- Đề xuất, tham mưu hoàn thiện chính sách, bảo đảm khả năng triển khai hạ tầng băng rộng đồng bộ với hạ tầng ngành khác (giao thông, xây dựng, cấp thoát nước, chiếu sáng, năng lượng) theo nguyên tắc tăng cường chia sẻ, dùng chung.

- Tăng cường phối hợp, chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng viễn thông để tăng hiệu quả đầu tư, phát triển, xây dựng hạ tầng của doanh nghiệp bảo đảm mỹ quan và an toàn cho người dân; triển khai các phương pháp chia sẻ hạ tầng tiên tiến (thụ động, tích cực).

## **2.3. Huy động nguồn lực, bảo đảm kinh phí, nguồn nhân lực thực hiện**

- Doanh nghiệp bảo đảm kinh phí thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch này do doanh nghiệp triển khai.

- Hỗ trợ, thu hút doanh nghiệp khu vực tư nhân tham gia đầu tư, phát triển hạ tầng số.

- Hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích ở khu vực vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định của Nhà nước.

- Phát triển, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về công nghệ số, đáp ứng yêu cầu phát triển hạ tầng số.

## **2.4. Bảo đảm an toàn hạ tầng số, an toàn, an ninh mạng, quyền lợi người dùng**

- Triển khai, thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách và văn bản hướng dẫn thi hành về bảo đảm an toàn hạ tầng số, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu số, bảo vệ thông tin cá nhân trên mạng.

- Xử lý các nguồn phát tán thông tin vi phạm pháp luật theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; các doanh nghiệp cung cấp hạ tầng số từ chối hợp tác, kinh doanh với các tổ chức, doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật và không để các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật sử dụng hạ tầng của mình.

- Bảo vệ quyền lợi người sử dụng trong phát triển hạ tầng số trên địa bàn.

## **2.5. Tuyên truyền, nâng cao năng lực khai thác hạ tầng số**

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và khích lệ tinh thần, động lực của xã hội, của doanh nghiệp trong việc phát triển hạ tầng số từ đó thay đổi căn bản được thói quen của người dân khi sống trong môi trường xã hội số mới.

- Tuyên truyền, phổ biến những đặc tính, khả năng đáp ứng, cung cấp dịch vụ của hạ tầng băng rộng cố định, băng rộng di động chất lượng cao (5G) để các cá nhân, tổ chức nắm bắt, xác định nhu cầu (về tốc độ, độ trễ,...) theo từng mục đích sử dụng (y tế, giáo dục, thương mại điện tử,...) từ đó đặt hàng các doanh nghiệp hạ tầng số thiết lập cung cấp.

- Khuyến khích người dân chuyển đổi sang sử dụng điện thoại thông minh, sử dụng các nền tảng số. Truyền thông, phổ biến các kỹ năng số cơ bản cho người dân, bao gồm các kỹ năng cơ bản như truy cập và sử dụng Internet, thư điện tử, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử, dịch vụ công trực tuyến, các ứng dụng như Điện Biên smart, VneID,... và bảo đảm an toàn thông tin cá nhân.

- Triển khai các chiến dịch tuyên truyền, nâng cao nhận thức về lợi ích của chuyển đổi từ hạ tầng công nghệ thông tin đơn lẻ sang điện toán đám mây nhằm tăng tỷ lệ sử dụng điện toán đám mây của doanh nghiệp trong nước.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Phòng Văn hóa và Thông tin thị xã**

- Chủ trì tổ chức triển khai Kế hoạch này. Là đầu mối phối hợp, hỗ trợ các cơ quan, ban, ngành thị xã; UBND các xã, phường và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực hạ tầng số tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch này; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện của các cơ quan, địa phương, doanh nghiệp, tổng hợp, định kỳ hàng năm báo cáo UBND thị xã kết quả thực hiện **trước ngày 10 tháng 12 hằng năm**. Tổ chức sơ kết và tổng kết Kế hoạch; kịp thời tham mưu, báo cáo UBND thị xã các nội dung cần sửa đổi, bổ sung trong quá trình triển khai đảm bảo phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thị xã.

- Tổ chức kiểm tra việc triển khai thực hiện kế hoạch, đa dạng hóa hình thức tuyên truyền, hướng dẫn kế hoạch phát triển hạ tầng số trên địa bàn.

- Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Văn hóa - Truyền thanh - Truyền hình thị xã, các phóng viên của tỉnh đóng trên địa bàn thông tin, tuyên truyền về nội dung kế hoạch và kết quả phát triển hạ tầng số phục vụ chuyển đổi số của thị xã.

- Phối hợp với các cơ quan, ban ngành; UBND các xã, phường tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp phát triển hạ tầng số.

### **2. Phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã**

- Trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị và khả năng cân đối ngân sách, tham mưu cơ quan có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện kế hoạch phát triển hạ tầng số trên địa bàn thị xã đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 theo quy định hiện hành.

- Tham mưu các giải pháp nhằm tập trung các nguồn lực, thu hút các nguồn vốn đầu tư phát triển hạ tầng số cho công tác chuyển đổi số trên địa bàn thị xã.

- Phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin thị xã tổ chức thực hiện Kế hoạch này theo chức năng và nhiệm vụ được giao.

### **3. Phòng Quản lý Đô thị**

- Nghiên cứu, tham mưu sửa đổi, ban hành việc áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn trong việc tích hợp các thành phần của hạ tầng số trong các công trình xây dựng dân dụng.

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin, các đơn vị liên quan tuyên truyền vận động, hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin tham gia vào phát triển hạ tầng số trên địa bàn thị xã.

- Nghiên cứu, tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ phát triển hạ tầng số, bố trí không gian, địa điểm để lắp đặt thiết bị các công trình viễn thông, thúc đẩy sử dụng chung hạ tầng viễn thông với hạ tầng kỹ thuật khác.

#### **4. Trung tâm Văn hóa - Truyền thanh - Truyền hình**

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, tạo sự đồng thuận của người dân và toàn xã hội về mục đích, ý nghĩa của việc phát triển hạ tầng số, từ đó phát triển bền vững hạ tầng số trên địa bàn thị xã.

- Duy trì và nâng cao chất lượng chuyên mục Chuyển đổi số, chú trọng tuyên truyền, phổ biến kết quả, thành tựu trong quá trình phát triển hạ tầng số phục vụ Chương trình chuyển đổi số của thị xã.

#### **5. Các doanh nghiệp tham gia phát triển hạ tầng số trên địa bàn thị xã**

- Trên cơ sở những nội dung định hướng của thị xã đề ra tại Kế hoạch này, các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn thị xã xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo chất lượng, hiệu quả phục vụ Chương trình chuyển đổi số của thị xã; gửi kế hoạch về UBND thị xã (qua Phòng Văn hóa và Thông tin) **trước ngày 10 tháng 12 hằng năm.**

- Đẩy nhanh tốc độ phủ mạng cáp quang, mạng di động băng thông rộng đến tất cả các tổ, bản, khu vực dân cư; nâng cao dung lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng, phủ sóng chất lượng ở các vùng lõm sóng; tăng tỷ lệ người dùng internet.

- Đầu tư phát triển, nâng cấp hạ tầng viễn thông, đặc biệt ở các khu vực vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, khu vực lõm sóng; chấp hành các quy định về sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật; tăng cường việc chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng viễn thông và hạ tầng kỹ thuật liên ngành; xác định giá cho thuê công trình hạ tầng kỹ thuật được sử dụng chung do doanh nghiệp đầu tư đúng quy định.

- Đề xuất Tập đoàn, Tổng công ty phát triển hạ tầng, cung cấp dịch vụ thông tin di động 5G trên địa bàn thị xã, tập trung ưu tiên vào khu vực đô thị, khu vực tái định cư, điểm công cộng, đông dân cư, điểm du lịch, trung tâm xã.

- Đẩy mạnh sử dụng, cung cấp các dịch vụ ứng dụng công nghệ AI, Blockchain, IoT, nền tảng số có tính chất hạ tầng trên địa bàn thị xã.

- Tích cực tham gia, đồng hành cùng thị xã phát triển hệ thống Wifi công cộng trên địa bàn.

- Đề xuất các cơ chế, chính sách để thúc đẩy, triển khai kế hoạch phát triển hạ tầng số tại địa phương.



## 6. Công an thị xã

Hỗ trợ bảo vệ hạ tầng số, xử lý các vụ việc phá hoại hạ tầng số, cản trở xây dựng, lắp đặt các công trình viễn thông trên địa bàn.

## 7. Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể thị xã; UBND các xã, phường

- Xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển của cơ quan, đơn vị bao gồm phương án quản lý, thúc đẩy phát triển hạ tầng số; chính sách ưu đãi để thu hút đầu tư vào hạ tầng số như: Cắt giảm thủ tục hành chính, bố trí không gian, địa điểm để lắp đặt thiết bị, nhà trạm, công trình viễn thông, hỗ trợ, thúc đẩy dùng chung hạ tầng viễn thông và hạ tầng kỹ thuật liên ngành.

- Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn, tích cực hỗ trợ các tổ chức, công dân thực hiện thanh toán trực tuyến các thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công và các loại phí, lệ phí có yêu cầu nghĩa vụ tài chính khác (tiền điện, tiền nước, cước viễn thông,...).

- Rà soát, thiết lập, nâng cấp, cung cấp mạng wifi internet miễn phí tại các địa điểm công cộng trên địa bàn (Bộ phận một cửa, bến xe, chợ, khu du lịch,...).

- Thúc đẩy, hỗ trợ các doanh nghiệp địa phương phát triển hạ tầng số, theo hướng đầu tư theo phương thức đối tác công tư, đơn giản hóa thủ tục cấp phép xây dựng hạ tầng viễn thông tại các địa bàn, khu vực cần khuyến khích đầu tư.

- Triển khai kết nối, sử dụng và duy trì mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước.

- Phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin thị xã tổ chức thực hiện Kế hoạch theo chức năng nhiệm vụ được giao và các quy định của pháp luật.

Trên đây là Kế hoạch phát triển hạ tầng số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của UBND thị xã Mường Lay./.

### *Nơi nhận:*

- Sở TT và TT tỉnh Điện Biên;
- TT. Thị ủy;
- TT. HĐND thị xã;
- Lãnh đạo UBND thị xã;
- Lãnh đạo VP HĐND và UBND thị xã;
- Thành viên BCD chuyển đổi số thị xã;
- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn;
- UBND các xã, phường;
- Các doanh nghiệp Viễn thông trên địa bàn thị xã;
- Lưu: VT, VHTT, CVVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Chui Văn Thành**

**Phụ lục****CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN Hạ tầng số thị xã Mường Lay đến năm 2025, định hướng đến năm 2030***(Kèm theo Kế hoạch số: 2855/KH-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2023 của UBND thị xã Mường Lay)*

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2022	Mục tiêu cụ thể			
				Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Định hướng đến năm 2030
<b>I</b>	<b>Mạng viễn thông băng rộng</b>						
1	Số thuê bao băng rộng di động/100 dân.	Thuê bao/100 dân	100	100	100	100	100
2	Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh/tổng thuê bao điện thoại di động.	%	65	75	80	>80	100
3	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh.	%	55	60	65	75	>90
4	Tốc độ băng rộng di động (tốc độ tải xuống theo i-Speed).	Mbps	37,7	42	46	50	100
5	Tỷ lệ thôn, bản được phủ sóng di động băng rộng.	%	100	100	100	100	100
6	Triển khai cung cấp dịch vụ mạng di động 5G khu vực thị xã	%	0	0	0	5	100
7	Tỷ lệ dùng chung vị trí trạm BTS.	%	40	50	50	60	>65
8	Tỷ lệ dùng chung cột treo cáp.	%	10	10	10	20	>30
9	Tỷ lệ dùng chung công bề cáp.	%	10	10	10	10	>20
10	Tỷ lệ cơ quan Đảng, Nhà nước từ cấp tỉnh tới cấp xã kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.	%	100	100	100	100	100
11	Số thuê bao băng rộng cố định/100 dân.	Thuê bao/100	6	6,5	7	12	20

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2022	Mục tiêu cụ thể			
				Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Định hướng đến năm 2030
		dân					
12	Tỷ lệ hộ gia đình có truy nhập Internet băng rộng cáp quang.	%	53	58	59	>60	100
13	Tốc độ băng rộng cố định (tốc độ tải xuống theo i-Speed).	Mbps	100	100	100	100	150
14	Tỷ lệ thôn, bản được phủ băng rộng cố định (cáp quang FTTH).	%	47	90	91	>90	100
15	Tỷ lệ ngấm hóa hạ tầng mạng cáp ngoại vi trên toàn huyện (tập trung chủ yếu tại các khu vực yêu cầu cao về mỹ quan).	%	10	10	10	>30	>40
16	Tỷ lệ khu vực công sở, công cộng (Chợ, bến cảng, khu tập trung đông dân cư, ...) được phủ sóng wifi internet miễn phí.	%	20%	>20%	>30%	100	100
<b>II</b>	<b>Hạ tầng trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây</b>						
16	Tỷ lệ hệ thống thông tin dùng chung cấp tỉnh có sử dụng dịch vụ điện toán đám mây.	%	100	100	100	100	100
<b>III</b>	<b>Hạ tầng công nghệ số</b>						
17	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác.	%	>50	>50	>60	>60	>95
18	Triển khai công nghệ AI, blockchain, IoT hỗ trợ hiệu quả cho chương trình chuyển đổi số huyện, phát triển kinh tế số, đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hệ thống quản trị số địa phương và năng lực quản trị.	Có/Không	Có	Có	Có	Có	Có
<b>IV</b>	<b>Nền tảng số có tính chất hạ tầng</b>						

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2022	Mục tiêu cụ thể			
				Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Định hướng đến năm 2030
19	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức Nhà nước sử dụng nền tảng số có tính chất hạ tầng.	%	100	100	100	100	100
20	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng nền tảng số có tính chất hạ tầng.	%	100	100	100	100	100

---